

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ-BTC ngày 14/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

**Điều 2.** Quyết định này áp dụng đối với các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh tuyển sinh từ năm 2022 trở đi.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BGH, HĐT;
- CTTĐT Trường;
- Lưu VT, QLĐT.



**TS. Nguyễn Trọng Nghĩa**

## QUY CHẾ

### Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-TCQTKD ngày 26 tháng 01 năm 2022 của trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ do Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh đào tạo và cấp bằng, bao gồm: Tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động đào tạo, luận văn thạc sĩ, cấp bằng và các hoạt động khác liên quan đến đào tạo áp dụng cho các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

### Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường được xây dựng theo định hướng nghiên cứu.

Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Chương trình đào tạo do Trường tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

a) Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo

trình độ thạc sĩ.

b) Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu và phù hợp với các quy định hiện hành.

c) Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo được thiết kế 60 tín chỉ, một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ viết tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, đề tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

d) Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

### 3. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng, thẩm định và ban hành theo Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành áp dụng chương trình đào tạo hiện hành; rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh được ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-TCQTKD ngày 08/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

4. Việc xây dựng mới các đề cương, chương trình học phần và sửa đổi chương trình đào tạo phải thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường cho ý kiến và đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

6. Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần Triết học theo đúng quy định, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

### **Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo**

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là Tiếng Việt.

3. Thời gian học tập chuẩn toàn khóa học là 02 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần, thời gian viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ).

4. Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

#### **Điều 4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học của trường năm cuối có điểm rèn luyện xếp loại tốt trở lên, không bị kỷ luật, có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và có số tín chỉ tích lũy đạt từ 80 tín chỉ trở lên có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ;

b) Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

4. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người dự tuyển trình độ thạc sĩ. Hội đồng bao gồm: Chủ tịch, thư ký và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định. Hội đồng có nhiệm vụ xác nhận kết quả học tập của người dự tuyển và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người dự tuyển đủ điều kiện.

5. Sinh viên có nhu cầu học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ làm đơn đăng ký nộp về Phòng Quản lý đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định bố trí sinh viên vào lớp học.

## **Chương II TUYỂN SINH**

### **Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (bao gồm: bài nghiên cứu đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước có mã số ISSN, ISBN; thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy chế này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ. Các ngành phù hợp được đăng ký dự tuyển và học bổ sung kiến thức được quy định cụ thể trong đề án, thông báo tuyển sinh hàng năm đối với từng chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Trường hợp người dự tuyển chưa có một trong các văn bằng chứng chỉ nêu trên thì phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực trình độ ngoại ngữ bậc 3 do Trường tổ chức (hoặc phối hợp với một trường có đủ năng lực đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và có kết quả đánh giá đạt trình độ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4

trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

## **Điều 6. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### 1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành giáo dục mầm non hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a, khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

### 2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi hoặc kết quả xét tuyển như sau:

a) Cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi quy định tại khoản 1, Điều 11 Quy chế này áp dụng đối với phương thức thi tuyển sinh.

b) Cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả xét tuyển áp dụng đối với phương thức xét tuyển.

## **Điều 7. Tổ chức tuyển sinh**

1. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm theo đề án, thông báo tuyển sinh của Trường. Căn cứ vào nhu cầu học tập, tình hình thực tiễn, Trường tổ chức số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định.

2. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ do Trường quyết định lựa chọn vào mỗi lần tuyển sinh trong năm, bao gồm: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

3. Địa điểm tổ chức thi tuyển, xét tuyển là trụ sở của Trường ghi trong hồ sơ đăng ký mở chuyên ngành và được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc tổ chức thi, xét tuyển

sinh ngoài địa điểm theo Quy chế này phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

4. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển bao gồm các thông tin sau:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo;
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung;
- d) Hồ sơ dự tuyển;
- đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh;
- e) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học;
- f) Những thông tin cần thiết khác.

#### **Điều 8. Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng**

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;
- b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó Hiệu trưởng;
- c) Uỷ viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo;
- d) Các uỷ viên: một số trưởng hoặc phó đơn vị (phòng, khoa, bộ môn) liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng, phó Chủ tịch hội đồng, uỷ viên thường trực và các uỷ viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Trường.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và bộ máy giúp việc cho Hội đồng.

#### **Điều 9. Đăng ký dự tuyển**

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển; việc lập danh sách thí sinh dự tuyển, làm thẻ dự tuyển, gửi giấy báo dự tuyển cho thí sinh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển phải được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường chậm nhất 03 tuần trước khi thi môn đầu tiên hoặc trước khi xét tuyển.

### **Điều 10. Tổ chức xét tuyển đối với tuyển sinh theo phương thức xét tuyển**

Hội đồng tuyển sinh họp đánh giá hồ sơ thí sinh đối với tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

#### 1. Tiêu chí cho điểm xét tuyển:

Hồ sơ xét tuyển của thí sinh được đánh giá theo thang điểm 100 với các tiêu chí sau đây:

- Mức xếp hạng tốt nghiệp đại học: Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc đại học (đối với thí sinh dự tuyển từ trình độ đại học và tương đương). Việc đánh giá và cho điểm dựa trên điểm trung bình chung toàn khóa các học phần ở bậc đào tạo đại học.

- Nghiên cứu khoa học: Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học của thí sinh thông qua các kết quả nghiên cứu khoa học đã đạt được. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên các nghiên cứu khoa học:

+ Bài nghiên cứu đăng trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước có chỉ số ISSN, ISBN;

+ Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền nghiệm thu;

+ Các công bố khoa học nêu trên có liên quan quan đến lĩnh vực mà thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Kinh nghiệm công tác: Tiêu chí này nhằm đánh giá kinh nghiệm làm việc của thí sinh thông qua thời gian công tác.

Hiệu trưởng quy định cụ thể thang điểm cho từng tiêu chí xét tuyển trong đề án, thông báo tuyển sinh hàng năm.

#### 2. Nguyên tắc xét tuyển:

Nguyên tắc xét điểm từ cao đến thấp theo tổng điểm xét tuyển các tiêu chí nêu trong khoản 1 của điều này. Trường hợp các sinh viên có mức điểm xét tuyển bằng nhau và phải lựa chọn để không vượt chỉ tiêu tuyển sinh thì Hội đồng tuyển sinh áp dụng các tiêu chí phụ để xét ưu tiên theo thứ tự các tiêu chí như sau:

a) Thí sinh đã có bằng thạc sĩ trở lên;

b) Điểm trung bình chung toàn khóa bậc đại học theo thang điểm 4. Trường hợp bằng điểm của thí sinh theo thang điểm 10 thì quy đổi theo thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành;

c) Điểm xét tuyển nghiên cứu khoa học của người dự tuyển.



d) Kinh nghiệm công tác.

### **Điều 11. Tổ chức thi tuyển sinh**

1. Thi tuyển sinh bao gồm 02 môn thi, trong đó có một môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Mỗi môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

2. Các môn thi tuyển sinh quy định tại khoản 1 Điều này phải được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo tuyển sinh.

#### 3 Đề thi tuyển sinh

a) Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:

- Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

- Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

- Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

- Dạng thức đề thi do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của trường đơn vị chuyên môn, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh.

b) Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

- Người ra đề các môn thi phải là tiến sĩ;

- Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

c) Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập:

- Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 03 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 03 đề thi;